

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DUY XUYỀN  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 75/2024/HNGĐ-ST

Ngày 04/5/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYỀN, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Tám

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Trung Thiêng và ông Nguyễn Chí Thành

**- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị N, sinh năm 1985

- Bị đơn: Anh Ngô Hồng T, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Thôn TA, xã DN, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện lập ngày 12/01/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã DN vào năm 2010. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, đánh đập chị N, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Vợ chồng không chung sống từ tháng 12/2023 đến nay. Chị N xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, không thể chung sống với nhau và vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh Ngô Hồng T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 chung là Ngô Hồng Tâm, sinh ngày 03/3/2011 và Ngô Thị Hồng Trâm sinh ngày 01/12/2015. Khi ly hôn, chị N yêu cầu nuôi cháu Ngô Thị Hồng Trâm, giao cháu Ngô Hồng Tâm cho anh Ngô Hồng T nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 18/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Ngô Hồng T trình bày:*

Anh T thừa nhận lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân cùng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Đôi lúc anh T có uống rượu, không kiềm chế bản thân có gây gỗ và đánh chị N nhưng anh vẫn còn tình cảm và thương yêu chị N. Anh mong muốn vợ chồng trở về chung sống với nhau nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như lời trình bày của chị N. Anh T thống nhất ý kiến của chị N về việc nuôi con và anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết.

*Ý kiến Kiểm sát viên:*

*Về việc tuân theo pháp luật:* Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của các đương sự đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Võ Thị N được ly hôn với anh Ngô Hồng T. Giao cháu Ngô Thị Hồng Trâm, sinh năm 01/12/2015 cho chị Võ Thị N nuôi dưỡng, giao cháu Ngô Hồng Tâm sinh ngày 03/3/2011 cho anh Ngô Hồng T nuôi dưỡng

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị N và anh Ngô Hồng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã DN vào năm 2010 nên hôn nhân của chị N, anh T là hợp pháp.

Lời trình bày của chị N, anh T và kết quả xác minh tại địa phương thì anh T và chị N đã không sống chung từ tháng 12/2023 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T thường hay uống rượu về nhà gây gỗ, đánh đập chị N. Mặc dù anh T có nguyện vọng được đoàn tụ để vợ chồng về chung sống với nhau nhưng anh T đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, không thể hiện sự quan tâm chăm sóc, có hành vi bạo lực gia đình. Xét thấy tình trạng hôn nhân vợ chồng đã đến mức trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị N, cho chị Võ Thị N ly hôn với anh Ngô Hồng T.

- Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Ngô Hồng Tâm, sinh ngày 03/3/2011 và Ngô Thị Hồng Trâm sinh ngày 01/12/2015.

Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất thỏa thuận giao cháu Ngô Thị Hồng Trâm, sinh năm 01/12/2015 cho chị Võ Thị N và giao cháu Ngô Hồng Tâm sinh ngày 03/3/2011 cho anh Ngô Hồng T nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai có yêu cầu cấp dưỡng về việc nuôi con. Sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Chị N, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Võ Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Võ Thị N được ly hôn với anh Ngô Hồng T

**2. Về con chung:** Giao cháu Ngô Hồng Tâm, sinh ngày 03/3/2011 cho anh Ngô Hồng T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Giao cháu Ngô Thị Hồng Trâm sinh ngày 01/12/2015 cho chị Võ Thị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

**3. Về án phí:** Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Võ Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 12105 ngày 12/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh QNam
- VKSND huyện Duy Xuyên.
- Chi cục THADS huyện Duy Xuyên.
- UBND xã DN.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu HS, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

**Võ Thị Tám**

